VIETNAM 1:50,000

EDITION 2-AMS (29 ETB)
XUẤT-BẢN LẦN THỨ 2-AMS (29 ETB)

HÀM TÂN

SHEET 6530 II
SERIES L701A

Scale Tỷ-lệ 1:50,000

LEGEND — CHÚ TỰ
MAP INFORMATION AS OF 1969
BẢN-ĐỒ TÌN TỨC ĐẾN 1969

WHEN REFERRING TO POPULATED PLACE NAMES, INCLUDE UTM GRID COORDINATES
THE NUMBER IN PARENTHESES FOLLOWING A POPULATED PLACE NAME INDICATES MORE THAN ONE PLACE IS SO NAMED WITHIN THE MAP SHEET AREA

CONTOUR INTERVAL 20 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS 10 METERS

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO-ĐỘ 20 MÉT
CÁC VÒNG CAO-ĐỘ PHỤ VÒNG 10 MÉT

CREDITS

SPHEROID	EVEREST
GRID	1,000 METER UTM ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES) ZONE 49 (BLUE NUMBERED TICKS)
PROJECTION	TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM	MEAN SEA LEVEL AT HA TIÊN
HORIZONTAL DATUM	INDIAN DATUM 1960

PROVINCE BY 14TH ENGR GP, 2 ARMY 1969
CONTROL BY NGA, VIETNAM
COASTAL HYDROGRAPHY FROM HYDROGRAPHIC CHART
PRINTED BY 14TH ENGR GP, 1971-69

THIS MAP IS RED-LIGHT READABLE
DESTRUCTION UNITED DESTROY WHEN NO LONGER NEEDED

DELINEATION OF INTERNAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE

GLOSSARY — CỔ-TỰ

Ấp, Làng, Xóm	village
Bến, Bến đò	port
Đèo	pass
Núi	mountain
Rừng	woods, forest
Suối	creek
L. Sông	river, stream

ELEVATION GUIDE
CHỈ-NẪN CAO-ĐỘ

BOUNDARIES
RANH-GIỚI

ADJOINING SHEETS
BẢNG BẢN-ĐỒ KỀ

HÀM TÂN, VIETNAM STOCK NO. L701465302